**IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 10 NĂM 2021-2030**

**1. Những điểm mới trong dự báo tình hình**

Nhận thức của Đảng ta về tình hình thế giới và trong nước luôn đổi mới, sát hợp với thực tế hơn theo từng thời điểm 5 năm hoặc 10 năm. Tùy từng thời gian, Đảng ta dự báo những đặc điểm nổi bật của thế giới, khu vực và của đất nước để từ đó dự liệu và xác định đường lối, chính sách mới theo từng mốc thời gian cụ thể. Trong Văn kiện Đại hội XIII, phần dự báo tình hình có nhiều điểm mới.

***a. Dự báo tình hình thế giới***

*Thứ nhất,* dự báo trong Văn kiện Đại hội XIII cho thấy, tình hình thế giới phức tạp hơn so với dự báo trong Văn kiện Đại hội XII. Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ: *"Trên thế giới,* trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn”[[1]](#footnote-2). Thực tế trên thế giới cho tới nay đã có những thay đổi và có vấn đề rõ nét hơn. Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về kinh tế, đa cực hóa về trật tự chính trị, đa dạng hóa về phát triển văn hóa, tin học hóa và số hóa trong mọi mặt đời sống xã hội, gia tăng hóa sự phụ thuộc vào nhau và chuyển hóa lẫn nhau. Trong bối cảnh như vậy, hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và phát triển vẫn là những xu thế lớn, nhưng đang đứng trước nhiều trở ngại và tự nó không dễ trở thành hiện thực. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do những biến động lớn đang nổi lên trên thế giới. Đó là sự cạnh tranh quyết liệt về quyền lực và lợi ích giữa các nước lớn gây ra những nguy cơ như chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, chiến tranh thương mại,...; đó là những mâu thuẫn về dân tộc, sắc tộc, giai cấp, tôn giáo gây ra những xung đột cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên,... Vì thế, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có nhận định mới: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế”[[2]](#footnote-3).

*Thứ hai,* kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng. Báo cáo chính trị Đại hội XII đánh giá: "Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường"[[3]](#footnote-4). Đại dịch Covid-19 đã làm bùng phát cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, để lại những hậu quả sâu rộng và lâu dài. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn do tác động của các chính sách bảo hộ mậu dịch và sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng như các luật lệ điều tiết sự vận hành kinh tế thế giới đang chịu nhiều áp lực phải điều chỉnh thay đổi, các chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu đang bị gián đoạn, chia cắt và cần được sắp xếp lại. Vì vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có nhận định mới: "Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi chuỗi cung ứng”[[4]](#footnote-5).

*Thứ ba,* về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Văn kiện Đại hội XII chưa đề cập đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội của thế giới, mở ra khả năng mới làm thay đổi tính chất và nâng cao đáng kể trình độ của lực lượng sản xuất xã hội loài người, đưa tới những thay đổi sâu sắc về cơ cấu sản xuất, tiêu dùng cũng như lực lượng lao động, phương thức làm việc, sinh hoạt, học tập, sự điều hành doanh nghiệp, sự vận hành của bộ máy quản lý nhà nước. Mặt khác, cuộc cách mạng này cùng với việc phát triển của kinh tế số, sẽ đặt ra nhiều thách thức mới về đời sống và an toàn xã hội không thể xem thường. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc"[[5]](#footnote-6). Nhận định mới này rất quan trọng trong việc định hướng tận dụng thời cơ do những thành tựu của cuộc cách mạng này đem lại, đồng thời vượt qua những khó khăn, thách thức để phát triển đất nước theo hướng tăng tốc, đi tắt, đón đầu.

*Thứ tư,* về tình hình châu Á - Thái Bình Dương. Về cơ bản, Văn kiện Đại hội XIII có nhiều điểm thống nhất với nhận định của Đại hội XII. Tuy nhiên, do hiện nay khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á có vị trí chiến lược quan trọng, trở thành khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, kể cả trên Biển Đông diễn ra ngày càng phức tạp, nên Báo cáó chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh vấn đề mới, đậm nét: "Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột”[[6]](#footnote-7).

***b. Dự báo tình hình trong nước***

*Thứ nhất,* có điểm mới trong nhận định về nền kinh tế đất nước. Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh: "Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức"[[7]](#footnote-8). Báo cáo chính trị Đại hội XIII nêu rõ những khó khăn, thách thức: "Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra”[[8]](#footnote-9).

*Thứ hai*, nêu bật một số khó khăn mới. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; đặc biệt biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước"[[9]](#footnote-10). Các vấn đề nêu trên, Văn kiện Đại hội XII và các Đại hội trước chưa đề cập tới hoặc có đề cập đến nhưng chưa rõ nét.

*Thứ ba,* nhấn mạnh hơn về những vấn đề cần khắc phục. Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: "Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù"[[10]](#footnote-11). Đó là những cảnh báo xác đáng và rất quan trọng để trong nhiệm kỳ tới có những giải pháp hữu hiệu khắc phục.

**2. Về quan điểm**

Những Đại hội Đảng gần đây, trong Báo cáo chính trị thường không trình bày các quan điểm chỉ đạo. Tại Đại hội XI, Báo cáo chính trị, sau khi khẳng định tư tưởng: **“Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa”[[11]](#footnote-12)**, trình bày ngay mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015, không trình bày quan điểm chỉ đạo. Năm quan điểm phát triển được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020[[12]](#footnote-13). Trong các văn kiện Đại hội XII, Báo cáo chính trị không có nội dung trình bày riêng về quan điểm chỉ đạo; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 nêu 4 quan điểm phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khóa XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khóa XII (nếu có) trình bày 3 quan điểm chỉ đạo[[13]](#footnote-14).

Đại hội XIII của Đảng là Đại hội mở đầu thập niên thứ ba của thế kỷ XXI trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến rất nhanh, phức tạp, có nhiều đột biến khó dự báo, tác động thường xuyên, trực tiếp đến nước ta, tạo ra đồng thời cả thuận lợi, thời cơ lớn đan xen với không ít khó khăn, thách thức gay gắt. Đại hội XIII của Đảng có sứ mệnh định hướng phát triển đất nước từ nay đến năm 2025, đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2045 gắn với hai sự kiện trọng đại: 100 năm thành lập Đảng (1930-2030), 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945-2045). Cán bộ, đảng viên, nhân dân hy vọng, tin tưởng Đại hội Đảng lần này sẽ đề ra những chủ trương, quyết sách sáng suốt, đúng đắn, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Xuất phát từ tầm vóc và ý nghĩa quan trọng của Đại hội XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII thống nhất rất cao phải xây dựng một hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị và hệ quan điểm phát triển trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.*

***a. Hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII***

Báo cáo chính trị nêu hệ quan điểm chỉ đạo với 5 quan điểm cơ bản, nhấn mạnh quan điểm có tính nguyên tắc; về chiến lược tổng thể phát triển đất nước; về động lực phát triển; nguồn lực phát triển; về nhân tố hàng đầu quyết định thành công. Hệ quan điểm được kết cấu chặt chẽ, có quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành một hệ quan điểm thống nhất, bao quát những tư tưởng chỉ đạo lớn đối với toàn bộ công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới.

*(1) Quan điểm nhất quán có tính nguyên tắc*

Nhận thức sâu sắc sự nguy hại và hậu quả nghiêm trọng của việc xa rời nền tảng tư tưởng, mục tiêu, đồng lối cách mạng, từ bỏ nguyên tắc xây dựng Đảng dẫn đến sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên bang Xôviết và các nước Đông Âu; từ bài học thành công của cách mạng nước ta, nhất là thành công trong những thời điểm cách mạng chuyển giai đoạn hoặc gặp nhiều khó khăn, thử thách; từ nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay, Báo cáo chính trị đặt lên hàng đầu quan điểm:

"Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[[14]](#footnote-15).

Đây là quan điểm có tính nguyên tắc, bất di bất dịch, thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng. Cốt lõi của quan điểm này là kết hợp khoa học sự kiên định trước sau như một nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, đường lối đổi mới và nguyên tắc xây dựng Đảng với tinh thần không ngừng đổi mới sáng tạo trên cơ sở tuân theo các quy luật khách quan, kế thừa tinh hoa văn hóa, truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và những kinh nghiệm thành công của quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Kiên định nhưng không cứng nhắc, bảo thủ, giáo điều dẫn đến trì trệ; đổi mới sáng tạo nhưng không cực đoan, duy ý chí, mạo hiểm, dẫn đến đổ vỡ. Kiên định một cách sáng tạo, sáng tạo một cách kiên định theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh: nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh bạo sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với hành động[[15]](#footnote-16).

*(2) Quan điểm về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững*

Công cuộc đổi mới đã trải qua 35 năm, ngày càng đi vào chiều sâu, đòi hỏi phải triển khai toàn diện, đồng bộ hơn các nhiệm vụ trên các lĩnh vực, các địa bàn, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, liên kết chặt chẽ các quốc gia, hướng đến những giá trị chung. Đất nước cần và có thể phát triển nhanh, bền vững hơn vì lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc phù hợp với lợi ích chung của nhân loại. Muốn vậy, phải xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển tổng thể đất nước, vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa tập trung vào những lĩnh vực, nhiệm vụ cốt yếu, tạo thành sự gắn kết đồng bộ, thống nhất, hiệu quả của toàn bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, hảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị xác định quan điểm:

"Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên"[[16]](#footnote-17).

(3) *Quan điểm về động lực phát triển*

Xác định đúng để phát huy mạnh mẽ động lực phát triển đất nước là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nên sức mạnh và sức bật của đất nước. Động lực có nhiều dạng thức, có động lực vật chất, động lực tinh thần; có động lực tồn tại lâu dài, có động lực mới xuất hiện; có động lực cụ thể trong từng lĩnh vực, trên từng địa bàn, có động lực chung thúc đẩy các lĩnh vực trên phạm vi cả nước...

Xác định động lực phát triển, Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "Nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành *động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập:* kết hợp hài hòa các lợi ích; phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy nhân tố con người; vai trò của khoa học - công nghệ..."[[17]](#footnote-18). Kế thừa định hướng của Đại hội XII, bổ sung những nhân tố động lực mới, Báo cáo chính trị Đại hội XIII hoàn thiện quan điểm về động lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới: "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền ứng đất nước"[[18]](#footnote-19).

So với trước đây, nhận thức của Đảng về động lực phát triển được nâng lên tầm mức mới. Về nhân tố dân tộc, đồng thời với lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Báo cáo chính trị nhấn mạnh ý chí tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc - nguồn năng lượng nội sinh to lớn và động lực trung tâm của quốc gia - dân tộc trên con đường đi tới tương lai[[19]](#footnote-20). Về nhân tố chính trị, kế thừa vấn đề phát huy dân chủ, Báo cáo chính trị bổ sung vấn đề bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nhân tố con người được gắn kết với nhân tố văn hóa, được bổ sung nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài. Nhân tố khoa học - công nghệ được đề cao, nhấn mạnh, gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*(4) Quan điểm về nguồn lực phát triển*

Huy động, sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực là điều kiện tiên quyết cho phát triển đất nước. Nguồn lực quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cần được nhìn nhận theo tư duy và cách tiếp cận mở, gắn nguồn lực trong nước với nguồn lực ngoài nước theo tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tự lực, tự cường, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp hài hòa nội lực và ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cần tránh hai khuynh hướng, vọng ngoại, quá trông chờ, chú trọng, dẫn tới lệ thuộc vào nguồn lực bên ngoài; hoặc biệt lập, tuyệt đối hóa vấn đề tự lực cánh sinh, đề cao một chiều nguồn lực trong nước, tách rời nguồn lực trong nước với nguồn lực ngoài nước. Với tư duy biện chứng và từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, trực tiếp là kinh nghiệm đổi mới, hội nhập quốc tế, Báo cáo chính trị xác định quan điểm về nguồn lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới:

"Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”[[20]](#footnote-21).

*(5) Quan điểm về những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công*

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng nước ta, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng đúc kết những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó nhấn mạnh bài học thứ năm: “... *sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[[21]](#footnote-22).*Nhiệm kỳ Đại hội XI, đặc biệt là nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh toàn diện, thu được nhiều kết quả nổi bật. Nhận thức lý luận về xây dựng Đảng được bổ sung, hoàn thiện. Năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, trước hết gắn liền với tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng, khoa học của Đảng, với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức. Đồng thời, nhiệm vụ then chốt này không thể tách rời với hai nhiệm vụ chính trị rất quan trọng: *Một là,* xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, trọng tâm là xây dựng Nhà nước; *Hai là,* xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị, với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên là ba khâu thống nhất, gắn bó chặt chẽ, tạo thành sức mạnh chính trị to lớn, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Những nhận thức sâu sắc đúc kết từ thực tiễn xây dựng Đảng đã được khái quát thành quan điểm thứ năm:

"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc"[[22]](#footnote-23).

***b. Hệ quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030***

Quán triệt tinh thần và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo được xác định trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII, kế thừa, phát triển những quan điểm phát triển được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và những quan điểm phát triển kinh tế - xã hội được nêu trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; trên cơ sở những bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn 10 năm qua, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trình bày 5 quan điểm phát triển: phát triển nhanh và bền vững; về thể chế phát triển; về nguồn lực con người; về xây dựng nền kinh tế, tự chủ; về sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc...

*(1) Quan điểm phát triển nhanh và bền vững*

Tư tưởng phát triển nhanh, bền vững đã được xác định từ Đại hội XI, Đại hội XII với nội dung cốt lõi là: phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh; ổn định kinh tế vĩ mô, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước[[23]](#footnote-24).

Những năm gần đây, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, tác động ngày càng sâu rộng đến các nước, tạo ra nhiều đột biến, nhiều thời cơ và thách thức đối với tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với nước ta, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành một số chủ trương, chính sách chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng này, xem đây là giải pháp đột phá để Việt Nam phát triển bứt phá[[24]](#footnote-25). Vận dụng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị kết hợp với phân tích, dự báo xu thế phát triển chung của thế giới, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đưa ra quan điểm phát triển nhanh, bền vững với tư duy và cách tiếp cận mới:

"Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số”[[25]](#footnote-26).

*(2) Quan điểm về thể chế phát triển*

Mười năm trước, trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020, khi xác định quan điểm về thể chế phát triển, Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương...[[26]](#footnote-27). Đại hội XII, khi xác định quan điểm phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Đảng nhấn mạnh yêu cầu tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mấu chốt là làm rõ và giải quyết hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường[[27]](#footnote-28).

Trước những yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, Đại hội XIII bổ sung nhiều nhận thức, định hướng mới trong quan điểm về thể chế phát triển, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hình thành các mô hình kinh tế mới, phát triển các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân... Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định:

"Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế”[[28]](#footnote-29).

*(3) Quan điểm về nguồn lực con người*

Đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển là tư tưởng nhất quán của Đảng. Kế thừa và phát triển quan điểm được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020: "Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển"[[29]](#footnote-30); quán triệt sâu sắc tư tưởng chủ đạo của Đại hội XIII là phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 bổ sung, làm sâu sắc, phong phú hơn quan điểm về nguồn lực con người:

"Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân"[[30]](#footnote-31).

*(4) Quan điểm về xây dựng nền kinh tế tự chủ*

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định 8 mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới, phát triển ở Việt Nam, trong đó có mối quan hệ "giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế"[[31]](#footnote-32). Quán triệt tinh thần Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định quan điểm: "Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng"[[32]](#footnote-33). Đến Đại hội XII, trong Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, quan điểm này được cụ thể hóa, nhấn mạnh yêu cầu tự chủ kinh tế. "Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế"[[33]](#footnote-34).

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tuy gặp nhiều trở ngại, thách thức, nhưng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế vẫn tiếp tục tiến triển, ngày càng sâu rộng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cạnh tranh giữa các nước, nhất là các nước lớn, diễn ra gay gắt, quyết liệt. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng trầm trọng do tác động của đại dịch Covid-19... Để phát triển nhanh, bền vững, tất yếu phải đồng thời tăng cường hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, trước hết là tự chủ về kinh tế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tiếp tục nhấn mạnh và hoàn thiện quan điểm về xây dựng nền kinh tế tự chủ phù hợp với tình hình, yêu cầu mới:

"Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại"[[34]](#footnote-35).

*(5) Quan điểm về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam, được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật phát triển, đổi mới. Tư tưởng chỉ đạo này được thể hiện rõ nét trong quan điểm phát triển nhanh, bền vững nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Những năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất phức tạp. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng gặp nhiều thách thức, trở ngại; chạy đua vũ trang, xung đột cục bộ, tranh chấp quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ, trong đó nổi lên là tranh chấp chủ quyền biển, đảo mà Biển Đông là một điểm nóng, có chiều hướng gia tăng. Đối với Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động tăng cường các hoạt động chống phá. Từ thực tiễn hiện nay và dự báo tình hình sắp tới, Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài: kiên định, kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ gắn với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quán triệt tinh thần đó, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 trình bày một quan điểm riêng về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm thực hiện thành công Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới:

"Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân"[[35]](#footnote-36).

Nhìn tổng quát, Văn kiện Đại hội XIII đặc biệt chú trọng xây dựng hệ quan điểm chỉ đạo, phát triển, do vậy tầm định hướng và dẫn dắt được nâng lên. Hai hệ quan điểm trình bày ở hai văn kiện, do tính chất, yêu cầu khác nhau nên nội dung cụ thể không trùng lặp, hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị có tầm bao quát chung, rộng hơn; hệ quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cụ thể hơn, định hướng cho các lĩnh vực chủ yếu. Song về tư tưởng, hai hệ quan điểm là thống nhất, đều hướng vào thực hiện mục tiêu chung mà Đại hội đã xác định. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả hệ quan điểm chỉ đạo và hệ quan điểm phát triển là nhân tố quan trọng tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức, hành động và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII.

**3. Định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030**

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định *định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030* (dịp kỷ niệm, 100 năm thành lập Đảng) với cùng 12 định hướng tổng quát trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như Báo cáo chính trị Đại hội XII, nhưng có nhiều điểm mới *về cách tiếp cận, mục đích và nội dung.*

***a. Định hướng về hoàn thiện thể chế phát triển bền vững***

Báo cáo chính trị Đại hội XIII xác định định hướng thứ nhất là: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước"[[36]](#footnote-37). Lần đầu tiên, vấn đề *"thể chế phát triển bền vững"* được đặt ra trong một văn kiện Đại hội Đảng. Trước đó trong Đại hội XII, vấn đề *thể chế* chỉ được nhắc đến trong nhiệm vụ tổng quát thứ hai là "Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[[37]](#footnote-38); nói cách khác, tức là mới chỉ đề cập đến hoàn thiện thể chế phát triển của lĩnh vực kinh tế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII đề cập *"thể chế phát biển bền vững",* tức là thể chế bảo đảm cho sự vận hành đồng bộ, thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế, hướng tới thực hiện yêu cầu *phát triển nhanh, bền vững đất nước.* Trong thể chế phát triển thì thể chế chính trị là yếu tố trung tâm, quyết định, chi phối đối với thể chế của các lĩnh vực còn lại.

Việc nhấn mạnh và đặt *"thể chế phát triển bền vững”* là định hướng phát triển đầu tiên nói lên điều gì?

*Thứ nhất*, đó là nhận thức mới của Đảng ta về ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của *thể chế phát triển bền vững* đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Đó chính là điều kiện quyết định để “tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”[[38]](#footnote-39). Đó cũng chính là bài học được rút ra từ thực tiễn lãnh đạo công cuộc xây dựng, phát triển đất nước 35 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, đã không chỉ cho thấy vai trò, ý nghĩa to lớn của thể chế đối với sự phát triển nói chung, mà còn là trách nhiệm to lớn, nặng nề và có ý nghĩa quyết định của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và không ngừng hoàn thiện thể chế phát triển nói chung, nhất là thể chế chính trị - một điều kiện sống còn cho công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ hai,* thể chế phát triển của chúng ta hiện nay nói chung còn có nhiều hạn chế, tạo ra những vướng mắc, gây ra những khó khăn cho việc huy động nguồn lực, sức mạnh để phát triển đất nước một cách đồng bộ, bền vững. Việc nhận ra những hạn chế, vướng mắc về thể chế phát triển chính là thể hiện thái độ nghiêm khắc, tinh thần trách nhiệm và phương pháp khoa học, thực tế, khách quan của Đảng trong lãnh đạo đất nước với tư cách một đảng cầm quyền.

*Thứ ba,* cùng với những hạn chế của hệ thống thể chế phát triển bền vững hiện nay thì sự vận động của tình hình chung trên thế giới, sự phát triển dẫn đến những thay đổi to lớn, mạnh mẽ, toàn diện của thực tiễn; và những yêu cầu, đòi hỏi mới của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới cũng đòi hỏi chúng ta phải không ngừng đổi mới, hoàn thiện thể chế phát triển bền vững. Đó là vấn đề có tính quy luật, là một yêu cầu khách quan, là điều kiện căn bản bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước nhằm đạt được mục tiêu đặt ra*.* Hơn thế, đây cũng một lần nữa cho chúng ta thấy bài học có tính phương pháp luận - phải luôn nhìn thẳng vào sự thật và xác định phương hướng phát triển đất nước phải xuất phát từ các điều kiện thực tế.

***b. Định hướng về tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trướng định hướng xã hội chủ nghĩa***

So với Báo cáo chính trị Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng yêu cầu "hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[[39]](#footnote-40), nhưng với nội dung và mục đích mới. Nếu ở Đại hội XII, việc hoàn thiện thể chế nhằm "nâng cao hiệu lực" quản lý kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế, thì Đại hội XIII nhấn mạnh mục đích "tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"[[40]](#footnote-41). Từ phân tích thực tế về huy động và sử dụng nguồn lực đất đai vừa qua có thể thấy, thể chế hiện tại có nhiều vấn đề cần hoàn thiện, nếu không sẽ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và trở thành tác nhân dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột, bất ổn an ninh, trật tự xã hội. Trên thực tế, thể chế quản lý, phân bổ nguồn lực tài nguyên khoáng sản, nguồn lực tài chính, nhất là ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác trong xã hội đều chưa thật chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả theo yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nói như đánh giá trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII: "Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển"[[41]](#footnote-42); hay đánh giá trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025: "*Cơ chế phân cấp quản lý kinh tế, quản lý ngân sách nhà nước và đầu tư* được đẩy mạnh nhưng trong thực hiện còn thiếu đồng bộ, thiếu các cơ chế giám sát hiệu quả..."[[42]](#footnote-43). Như vậy, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực chính là một cách tiếp cận vấn đề rất thực tế, một phương hướng hợp lý, tích cực nhằm phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh, bền vững.

***c. Định hướng về giáo dục và đào tạo, khoa học* - *công nghệ***

*Đối với lĩnh vực* giáo *dục và đào tạo,* yêu cầu mới đặt ra trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng là: "Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”[[43]](#footnote-44). Việc nhấn mạnh yêu cầu *tạo đột phá* trong đổi mới giáo dục và đào tạo, lĩnh vực quốc sách hàng đầu của đất nước xuất phát từ tình hình thực tế của lĩnh vực này trong nhiệm kỳ vừa qua, như đánh giá trong Báo cáo chính trị: "Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội". Sự hạn chế đó thể hiện trên các bình diện, từ tư duy, chính sách, giải pháp, tổ chức hệ thống, công tác tổ chức, cán bộ đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, vấn đề giáo dục con người, đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục nghề nghiệp, kỹ năng thực hành, giáo dục kết hợp nghiên cứu khoa học, v.v..Mặt khác, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, sự tích lũy kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại đòi hỏi không được chậm trễ trong việc đổi mới cách tiếp cận, nội dung, phương pháp trong giáo dục, đào tạo. Từ thực tiễn ấy, *tạo đột phá* là yêu cầu bức thiết, khách quan và hợp lý nhằm không chỉ bảo đảm những mục tiêu về giáo dục, mà còn là yêu cầu về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trọng dụng nhân tài.

Trong lĩnh vực phát triển, nghiên cứu và ứng dụng *khoa học* - *công nghệ,* các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu mới, gắn liền khoa học - công nghệ với những vấn đề, đòi hỏi trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh, cụ thể hóa hơn yêu cầu mới cho phát triển khoa học - công nghệ, trong đó chú trọng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ để tạo dựng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời lựa chọn phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới". Các văn kiện cũng xác định rõ hơn nội dung, mục tiêu của khoa học - công nghệ phục vụ cho yêu cầu thúc đẩy *đổi mới sáng tạo* - một động lực hàng đầu, đáp ứng những yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới sắp tới.

*d. Định hướng về xây dựng văn hóa và con người*

Nếu Báo cáo chính trị Đại hội XII xác định nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, thì nội dung phương hướng phát triển đặt ra trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu về *phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.* Đây chính là một bước nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn hóa và con người, nhấn mạnh hơn đến vai trò của con người với tính chất là chủ thể, cũng là mục đích của việc phát triển nền văn hóa. Phát triển nền văn hóa chính là phát triển con người và ngược lại. Cùng với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, sự tăng cường và gắn kết xây dựng con người và nền văn hóa trong một thể thống nhất sẽ là cơ sở vững chắc để "khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển"[[44]](#footnote-45), không chỉ làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, mà còn trở thành động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***đ. Định hướng về quản lý phát triển xã hội***

Đối với lĩnh vực quản lý phát triển xã hội, cùng với những nội dung nhất quán trong đường lối của Đảng về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chính sách người có công, lao động việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân, quan điểm của các văn kiện Đại hội XIII thể hiện nhận thức mới của Đảng về xây dựng chế độ xã hội tốt đẹp, bảo đảm tự do, công bằng, tiến bộ xã hội, môi trường sống lành mạnh, điều kiện phát triển toàn diện, tốt đẹp cho mỗi người dân, trong đó chú trọng việc xây dựng *môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.* Đây là tiếp tục nhất quán đường lối về chính sách xã hội được đề ra trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 "kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách"[[45]](#footnote-46). Đồng thời, Đại hội XIII cũng nhấn mạnh, làm rõ hơn yêu cầu về xây dựng một môi trường xã hội có đạo đức lành mạnh, nhấn mạnh vấn đề chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển, chú trọng an ninh xã hội, an ninh con người, cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, một đòi hỏi chính đáng theo đúng mục đích của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước là vì con người. Mặt khác, nhấn mạnh đến yếu tố đạo đức lành mạnh trong môi trường sống cũng là vấn đề đặt từ mặt trái của cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường, từ sự tổng kết, đánh giá nghiêm túc thực tế xã hội trong giai đoạn phát triển vừa qua với nguy cơ về tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đã có những diễn biến có chiều hướng phức tạp, chưa thể đẩy lùi một cách triệt để.

***e. Định hướng về vấn đề tài nguyên và môi trường***

Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục đưa nội dung "Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường" đã được đặt ra từ Đại hội XII là một trong những phương hướng phát triển. Đồng thời, nếu Báo cáo chính trị Đại hội XII đặt ra phương hướng "chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu", thì các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh, đặt lên hàng đầu và diễn đạt mới về yêu cầu này: "Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai"[[46]](#footnote-47). Đây là nhận thức mới của Đảng ta xuất phát từ những nghiên cứu, dự báo về tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng ngày càng có chiều hướng tăng lên, những diễn biến phức tạp ngày càng khắc nghiệt của thời tiết, dịch bệnh đối với con người và cây trồng, vật nuôi trong thời gian gần đây. Đặc biệt, vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng là một nguy cơ lớn đối với nước ta, đe dọa đến vấn đề an ninh lương thực cả nước, vấn đề an ninh con người đối với hàng chục triệu người dân ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và một số khu vực ven biển ở miền Bắc.

Về vấn đề *bảo vệ môi trường,* Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn, đưa ra những nội dung cốt yếu cho phương hướng phát triển sắp tới là: "lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường"[[47]](#footnote-48).

***g. Định hướng về quốc phòng và an ninh***

Trên cơ sở quan điểm cơ bản về quốc phòng, an ninh đã được khẳng định tại Đại hội XII, trong đó coi tăng cường quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ *"trọng yếu thường xuyên”*, mục tiêu đặt ra cho công tác quốc phòng và an ninh của đất nước là: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn một bước, nhấn mạnh yêu cầu về "Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương"[[48]](#footnote-49). Đồng thời các văn kiện Đại hội XIII cũng nhấn mạnh một số khía cạnh cụ thể trong phương hướng về quốc phòng, an ninh. Đó là: "Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố, nguy cơ gây đột biến, đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch"[[49]](#footnote-50). Việc nhấn mạnh yêu cầu giữ vững an ninh quốc gia nói chung và an ninh, trật tự trên một số lĩnh vực cụ thể là kết quả nhận thức mới của Đảng, xuất phát từ những diễn biến phức tạp của tình hình an ninh thế giới vừa qua, từ những nghiên cứu dự báo về các yếu tố có thể tác động đến tình hình an ninh của nước ta trong thời gian tới, nhất là những vấn đề an ninh phi truyền thống, an ninh trên Biển Đông và an ninh tư tưởng trong đời sống xã hội.

***h. Định hướng về đối ngoại***

Về phương hướng đối ngoại, Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục khẳng định những quan điểm đã được xác định tại Đại hội XII là: thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam"[[50]](#footnote-51). Đồng thời, Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh thêm yêu cầu chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả"[[51]](#footnote-52). Đây là nội dung yêu cầu mới mà Đại hội XIII của Đảng đặt ra trong điều kiện sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta đã mở cửa, kết nối và thiết lập các mối quan hệ rộng lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với thế giới. Chúng ta đã là thành viên có uy tín của Liên hợp quốc với 2 lần tham gia vào Hội đồng Bảo an, đồng thời là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có quy mô toàn cầu và khu vực. Nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 188 trong tổng số 192 quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên của Liên hợp quốc. Nước ta đã có quan hệ thương mại với hơn 220 nền kinh tế trên toàn cầu. Chúng ta đã ký kết rất nhiều hiệp định thương mại với các đối tác trên thế giới, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có tầm ảnh hưởng to lớn như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Trong điều kiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, *chủ động và tích cực* là đòi hỏi mới, là điều kiện cho chúng ta tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, bảo vệ đất nước, chủ động, tích cực phải gắn liền với *bảo đảm hiệu quả* của quá trình hội nhập, bảo đảm cho tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước, của chế độ.

***i.Định hướng về dân chủ xã hội chủ nghĩa***

Về vấn đề thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu tăng cường, đề cao *"quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của nhân dân".* Đây không phải là những yêu cầu mới đặt ra lần đầu nhưng lâu nay việc thực thi còn nhiều vướng mắc, hiệu quả thực tế chưa cao. Cùng với những kết quả quan trọng về "thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước", tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ "quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân", tăng cường "dân chủ ở cơ sở, trên thực tế vẫn còn tình trạng "Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật"[[52]](#footnote-53). Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó là do nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa thống nhất và do những vướng mắc về thể chế, cơ chế trong tổ chức và thực hiện. Trong khi quyền dân chủ trực tiếp và quyền tự quản của nhân dân ởnhiều nơi đã thực hiện tốt với nhiều hình thức sáng tạo, thì ở một số nơi vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực chất, còn mang tính hình thức. Vẫn còn tình trạng chưa tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thậm chí còn vi phạm quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, của cộng đồng, gây nên bức xúc xã hội, khiếu kiện vượt cấp kéo dài. Cả hai mặt, dân chủ quá trớn và độc đoán, chuyên quyền vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Nhấn mạnh yêu cầu "quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của nhân dân" chính là cách để phát huy hiệu quả tích cực, thực tế vai trò là chủ và làm chủ của người dân trong đời sống xã hội, thể hiện đúng và đầy đủ hơn bản chất tốt đẹp của chế độ ta là chế độ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Từ yêu cầu này dẫn đến nhiệm vụ đặt ra cho nhiệm kỳ tới là tiếp tục nhận thức rõ hơn về nội dung, tính chất của quyền dân chủ của nhân dân trong điều kiện hiện nay; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, các điều kiện và cách thức vận hành để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt nhất quyền làm chủ của nhân dân dưới mọi hình thức, phát huy vai trò tích cực của nhân dân trong việc tự quyết định, tự quản lý trong mỗi cộng đồng.

***k. Định hướng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

Điểm mới của định hướng phát triển được xác định trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII là: "Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức"[[53]](#footnote-54). Đây chính là những phương hướng quan trọng, giải pháp hợp lý, những vấn đề mới đặt ra giúp cho việc xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Việc xác định những nội dung trên trong phương hướng xây dựng Nhà nước trong giai đoạn tới xuất phát từ nhận thức mới của Đảng đã được đặt ra và thể hiện trong Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là: "Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu. Từ quan điểm chỉ đạo đó, Nghị quyết số 18-NQ/TW đề ra mục tiêu: "Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương"[[54]](#footnote-55). Đó cũng chính là xây dựng và hoàn thiện các điều kiện để bảo đảm việc kiểm soát quyền lực, siết chặt kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, một yêu cầu sống còn của hệ thống chính trị nói chung và bộ máy nhà nước nói riêng trong thời kỳ mới.

***l. Định hướng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng***

Công tác xây dựng Đảng có ý nghĩa then chốt, quyết định đối với toàn bộ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, vì thế, nội dung phương hướng xây dựng Đảng trong các Đại hội Đảng đều rất được quan tâm. Đại hội XII đề ra nhiệm vụ tổng quát thứ 11 là: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng"[[55]](#footnote-56). Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục đặt ra các nhiệm vụ đó trong phương hướng phát triển đất nước, đồng thời có bổ sung, làm rõ hơn nội dung mới cho giai đoạn sắp tới. Đó là *gắn công tác xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.* Với trách nhiệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền, vai trò, ý nghĩa, hiệu quả hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có thể thông qua Nhà nước pháp quyền và hệ thống Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức, đoàn thể nhân dân. Yêu cầu xây dựng Đảng gắn liền với "xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh" chính là đặt Đảng trong cơ cấu thống nhất của hệ thống chính trị, đòi hỏi việc xây dựng đồng bộ các yếu tố tạo thành hệ thống chính trị trong đó trách nhiệm đầu tiên quyết định thuộc về Đảng. Nói cách khác, Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền đồng nghĩa với Đảng phải chịu trách nhiệm về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức của nhân dân. Đồng thời, phương hướng phát triển đề ra của Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, hoàn thiện một cơ chế vận hành khoa học, hợp lý của cả hệ thống chính trị để kiểm soát quyền lực có hiệu quả, duy trì trật tự, kỷ luật, kỷ cương nghiêm minh, bảo đảm thật sự trong sạch, nhằm đẩy lùi và tiến tới triệt để loại trừ hiện tượng tham nhũng, lãng phí, quan liêu ra khỏi hệ thống chính trị và đời sống của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ.

***m. Định hướng về các mối quan hệ lớn***

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định 8 mối quan hệ lớn cần phải giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước là: "(1) quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (7) giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, (8) giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"[[56]](#footnote-57).

Tại Đại hội XII, Đảng ta bổ sung mối quan hệ thứ 9: "quan hệ giữa Nhà nước và thị trường". Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó "mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường được bổ sung thêm yếu tố "xã hội" và hoàn thiện thành *"mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội".*

Báo cáo chính trị Đại hội XIII bổ sung mối quan hệ lớn thứ 10, đó là quan hệ giữa *"thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"[[57]](#footnote-58).* Việc bổ sung mối quan hệ lớn giữa "thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội" xuất phát từ nhận thức rõ hơn về vấn đề có tính quy luật trong quản lý xã hội, đó là *dân chủ* phải đi liền với *kỷ cương, tự do* không thể tách rời *trách nhiệm.* Mặt khác, đây cũng là một kinh nghiệm được rút ra từ kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn quản lý xã hội trong thời gian qua. Thực tế đã chỉ ra rằng, nhiều hạn chế, vấn đề phức tạp, nhất là một số hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu nảy sinh trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành bộ máy nhà nước, không ít những mâu thuẫn, xung đột gây nên những lộn xộn trong đời sống xã hội đều có chung một nguyên nhân là không thực hành đồng bộ giữa dân chủ với pháp chế, kỷ cương. Còn có nơi, có lúc không quan tâm đầy đủ đến chế độ dân chủ, còn để xảy ra tình trạng quan liêu, cửa quyền, xa dân, tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức, thậm chí vi phạm các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Thực tế ấy không chỉ dẫn đến hạn chế trong tập hợp lực lượng, huy động sức dân, phát huy tính tích cực của nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị; hơn thế, đó còn là nguyên nhân chủ yếu làm mất uy tín của tổ chức đảng, của cơ quan nhà nước, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vào chế độ. Ngược lại, cũng còn có nơi, có lúc buông lỏng kỷ cương, thực hiện luật pháp không nghiêm, thiếu quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, để xảy ra tình trạng tự do bừa bãi hoặc những lộn xộn trong xã hội, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đến cuộc sống của nhân dân. Yêu cầu đặt ra và giải quyết mối quan hệ giữa *"thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"* chính là nhằm thực hành đầy đủ chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đồng thời và không tách rời việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật, bảo đảm một trong những điều kiện căn bản cho một xã hội hài hòa, cuộc sống hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật,Hà Nội, 2016,tr.70. [↑](#footnote-ref-2)
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.105. [↑](#footnote-ref-3)
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* tr.72. [↑](#footnote-ref-4)
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.106. [↑](#footnote-ref-5)
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.106. [↑](#footnote-ref-6)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.107, 107-108,108. [↑](#footnote-ref-7)
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.74. [↑](#footnote-ref-8)
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.107, 107-108,108. [↑](#footnote-ref-9)
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.107, 107-108,108. [↑](#footnote-ref-10)
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.108. [↑](#footnote-ref-11)
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.185. [↑](#footnote-ref-12)
12. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.98-102. [↑](#footnote-ref-13)
13. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.269-271; 352-353. [↑](#footnote-ref-14)
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.109. [↑](#footnote-ref-15)
15. Xem Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và và khí phách của dân tộc,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.219. [↑](#footnote-ref-16)
16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110. [↑](#footnote-ref-17)
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.76. [↑](#footnote-ref-18)
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110. [↑](#footnote-ref-19)
19. Xem Phùng Hữu Phú: "Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo - Điểm nhấn của Đại hội lần thứ XIII của Đảng", *Tạp chí Cộng sản*, số 953, tháng 11/2020, tr.33. [↑](#footnote-ref-20)
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110-111. [↑](#footnote-ref-21)
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.66. [↑](#footnote-ref-22)
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1,tr.111. [↑](#footnote-ref-23)
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.270. [↑](#footnote-ref-24)
24. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng. [↑](#footnote-ref-25)
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.99-100. [↑](#footnote-ref-26)
26. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.270. [↑](#footnote-ref-27)
27. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.269. [↑](#footnote-ref-28)
28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.215. [↑](#footnote-ref-29)
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* tr.100. [↑](#footnote-ref-30)
30. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.215-216. [↑](#footnote-ref-31)
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.27, 102. [↑](#footnote-ref-32)
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.27, 102. [↑](#footnote-ref-33)
33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.270-271. [↑](#footnote-ref-34)
34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.216. [↑](#footnote-ref-35)
35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.216-217. [↑](#footnote-ref-36)
36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.114. [↑](#footnote-ref-37)
37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.77. [↑](#footnote-ref-38)
38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.114. [↑](#footnote-ref-39)
39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.128, 114. [↑](#footnote-ref-40)
40. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.128, 114. [↑](#footnote-ref-41)
41. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80, 115. [↑](#footnote-ref-42)
42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.67. [↑](#footnote-ref-43)
43. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80, 115. [↑](#footnote-ref-44)
44. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.116. [↑](#footnote-ref-45)
45. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.79. [↑](#footnote-ref-46)
46. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.116. [↑](#footnote-ref-47)
47. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117. [↑](#footnote-ref-48)
48. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr. 117, 117. [↑](#footnote-ref-49)
49. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr. 117, 117. [↑](#footnote-ref-50)
50. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117-118, 117. [↑](#footnote-ref-51)
51. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117-118, 117. [↑](#footnote-ref-52)
52. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.89. [↑](#footnote-ref-53)
53. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.118. [↑](#footnote-ref-54)
54. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.45-46. [↑](#footnote-ref-55)
55. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.80. [↑](#footnote-ref-56)
56. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.26-27. [↑](#footnote-ref-57)
57. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.39. [↑](#footnote-ref-58)